TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2017
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều
2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2016/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Nguyễn N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt

Bị đơn: Anh La Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2017 và bản tự khai ngày 24/4/2017 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Nguyễn N trình bày:

Do quen biết và được sự đồng ý, nhất trí của gia đình hai bên nên chị và anh La Thanh T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 2006, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/3/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ ruột chị tại ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách

nhiệm đối với vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị và anh T đã ly thân hơn 08 tháng nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Thanh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên La Thị Như Q, sinh ngày 02/9/2009 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh La Thanh T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

[1.1] Chị Đặng Nguyễn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh La Thanh T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Xin ly hôn"; thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[1.2] Bị đơn anh La Thanh T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vòa khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N:

[2].[1] Chị Đặng Nguyễn N và anh La Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An, đúng với quy định tịa Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2].[2] Chị N và anh T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý nên đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được gần 09 năm, tuy nhiên theo chị N tình bày, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm đối với vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng cuộc sống chung không thể tiếp

tục nên chị và anh T đã ly thân hơn 08 tháng nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân hai bên đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Nguyễn N.

[2].[3] Về con chung: Theo chứng cứ mà chị N cung cấp, chị N và anh T có một con chung tên La Thị Như Q, sinh ngày 02/9/2009 hiện đang sống với chị. Chị N yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, anh T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của con chung và nguyện vọng của cháu Q nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu La Thị Như Q.

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2017 chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2].[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do anh T không có văn bản gì trình bày vấn đề này, chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, hai bên không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2].[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Nguyễn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 53, 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Nguyễn N với anh La Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Nguyễn N được ly hôn với anh La Thanh T.

2. Về con chung: Chị Đặng Nguyễn N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên La Thị Như Q, sinh ngày 02/9/2009. Anh La Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đặng Nguyễn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005088, ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Long An. Chị N đã nộp xong.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện B.
-THA huyện B.
-Các đương sự.
-UBND xã T;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Vũ Văn An